

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 164/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;

- Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 538/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phùng Thị D**, sinh năm 1994; cư trú tại: Số A, ấp LTB, xã BL, huyện C1, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp ĐH, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Phùng Thị D trình bày: Chị và anh Trần Văn N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm. Năm 2014, anh chị tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB vào ngày 23-7-2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh N tại ấp ĐH, xã TB, huyện C. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên đi nhậu về mắng chửi, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần. Chị đã cho anh N

nhieu cơ hội để sửa chữa nhưng anh N vẫn không thay đổi nên chị không thể sống được với anh N nữa và chị đã ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống từ tháng 7-2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Trần Văn P, sinh ngày 18-10-2014, hiện do anh N trực tiếp nuôi dưỡng nên chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình hòa giải, bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị D đi làm về khuya, thường đến 23 giờ mỗi ngày mới về. Hơn nữa, chị D còn nhắn tin với người đàn ông khác làm chung trong công ty, nội dung thế nào anh không biết nên anh có ghen và đi nhậu, đánh, đuổi chị D ra khỏi nhà. Việc vợ chồng mâu thuẫn là do lỗi của chị D. Nay anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị D. Trường hợp Tòa cho ly hôn thì anh đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh N, đồng ý giao anh N nuôi con chung và cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng. Phía anh N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phùng Thị D và anh Trần Văn N tranh chấp về ly hôn; anh N cư trú tại: Ấp ĐH, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Trần Văn N không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Phùng Thị D và anh Trần Văn N là hợp pháp, vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109 ngày 23-7-2015. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh N là do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ và đánh đập, đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần. Lý do mà chị D nêu ra được anh N thừa nhận, nhưng anh N cho rằng chị D có lỗi trước là nhấn tin với người đàn ông làm chung công ty nên anh mới ghen tuông và đánh đập chị D. Anh N cũng thừa nhận rằng không biết nội dung tin nhắn giữa chị D và người đàn ông đó nhưng lại không tìm hiểu thực tế chị D có vi phạm nghĩa vụ chung thủy hay không mà lại đánh đập, mắng chửi và đuổi chị D ra khỏi nhà nhiều lần làm cho tình cảm vợ chồng không còn, chị D phải ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Tại phiên tòa, chị D cương quyết ly hôn, còn anh N không đến Tòa để trình bày ý kiến, giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn thương chị D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị D, anh N đã không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là cần thiết.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh N có 01 con chung là cháu Trần Văn P, sinh ngày 18-10-2014 hiện đang sống với anh N, chị D đồng ý giao con cho anh N, anh N đồng ý nuôi con nếu vợ chồng ly hôn. Xét sự thỏa thuận giữa chị D, anh N là tự nguyện, không làm xáo trộn cuộc sống của con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, mặc dù anh N không yêu cầu nhưng chị D tự nguyện cấp dưỡng cho anh N mỗi tháng 1.500.000 đồng là tự nguyện, có lợi cho con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị D là nguyên đơn khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí về ly hôn; chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con và đề nghị Tòa án ghi nhận nên còn phải chịu thêm án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị D. Cho chị Phùng Thị D được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phùng Thị D và anh Trần Văn N. Giao cháu Trần Văn P, sinh ngày 18-10-2014 cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phùng Thị D, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Trần Văn N mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng. Cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu P đủ 18 tuổi và lao động được.

Chị Phùng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Chị D đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17203 ngày 21-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên chị D còn phải nộp tiếp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thực